

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**
(Cập nhật ngày 09/7/2024)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính (122)	Quyết định công bố				QTNB
			Ban hành mới	Sửa đổi, bổ sung	Thay thế	Bãi bỏ	
1. Lĩnh vực: Tư pháp (39)							
a) Lĩnh vực: Hộ tịch (19)							
1	1.001193	Đăng ký khai sinh		Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 09/7/2024			Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 21/8/2023
2	1.000894	Đăng ký kết hôn					
3	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con					
4	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con					
5	1.000656	Đăng ký khai tử					
6	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động					
7	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động					
8	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động					
9	1.004837	Đăng ký giám hộ					
10	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ					
11	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch					
12	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân					
13	1.004884	Đăng ký lại khai sinh					
14	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân					
15	1.004746	Đăng ký lại kết hôn					
16	1.005461	Đăng ký lại khai tử					
17	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch					
18	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Quyết định 1143/QĐ-UBND ngày 19/5/2017				QĐ số 2283/QĐ-UBND ngày 17/10/2019
19	2.000986	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi					
b) Lĩnh vực: Chứng thực (11)							
20	2.000908	Cấp bản sao từ sổ gốc		Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 23/7/2018			
21	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận					

22	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)					
23	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch					
24	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch					
25	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực					
26	2.001035	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở					
27	2.001019	Chứng thực di chúc					
28	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản					
29	2.001406	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở					
30	2.001009	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở					
c) Lĩnh vực: Nuôi con nuôi (02)							
31	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước					
32	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước					
d) Lĩnh vực: Phổ biến giáo dục pháp luật (06)							
33	2.001457	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật					
34	2.001449	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật					
35	2.000373	Công nhận hòa giải viên					
36	2.000333	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải					
37	2.000930	Thôi làm hòa giải viên					
38	2.002080	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên					
đ) Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước (01)							
39	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại					
2. Lĩnh vực: Lao động - Thương binh và Xã hội (28)							
a) Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (12)							
40	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm					
41	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm					

42	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm	904/QĐ-UBND ngày 28/4/2023				1157/QĐ-UBND ngày 26/5/2023
43	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình					
44	2.000744	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 13/9/2019				QĐ số 2280/QĐ-UBND ngày 17/10/2019
45	2.000751	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở		Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 18/6/2021			QĐ số 1672/QĐ-UBND ngày 16/7/2021
46	1.010764	Xét duyệt hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo (đặc thù)	Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 27/12/2013				QĐ số 557/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 QĐ số 2280/QĐ-UBND ngày 17/10/2019
47	1.001653	Đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật		Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 12/3/2024	Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 18/3/2020		
48	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật					
49	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Quyết định số 428/QĐ - UBND ngày 01/3/2018				
50		Giải quyết hồ sơ trợ cấp xã hội thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội đối với đối tượng tâm thần, tàn tật	Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 16/4/2018				
51		Giải quyết trợ cấp, cứu trợ đột xuất tại cộng đồng					
b) Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (04)							
52		Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 03/7/2017				
53		Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng					
54	1.010941	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 08/7/2022				QĐ số 2099/QĐ-UBND ngày 16/9/2022
55	1.000132	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 13/9/2019				QĐ số 2280/QĐ-UBND ngày 17/10/2019
c) Lĩnh vực: Người có công (05)							

56	1.011401	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 20/7/2023				Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 11/8/2023
57	1.011402	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra					
58	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 24/5/2023			QĐ số 1612/QĐ-UBND ngày 31/7/2023
59	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 08/11/2016				QĐ số 2280/QĐ-UBND ngày 17/10/2019
60	1.008243	Giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ.	Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 03/10/2018				
d) Lĩnh vực: Trẻ em (06)							
61	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 07/9/2017				
62	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em					
63	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt					
64	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em					
65	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em					
66	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế					
đ) Lĩnh vực: Chính sách (01)							

67	1.004937	Xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại điểm h khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP	Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 25/4/2024				
3. Lĩnh vực: Tài nguyên và môi trường (04)							
a) Lĩnh vực: Đất đai (01)							
68	1.003554	Hòa giải tranh chấp đất đai	Quyết định 2945/QĐ-UBND ngày 06/12/2016	Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 22/9/2021			QĐ số 2728/QĐ-UBND ngày 22/11/2021
b) Lĩnh vực: Chính sách thuế (01)							
69	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (Cấp phường, thị trấn)	Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 22/7/2020				QĐ số 2093/QĐ-UBND ngày 17/9/2020
c) Lĩnh vực: Môi trường (02)							
70	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (Mức 3)	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 20/12/2022			QĐ số 2091/QĐ-UBND ngày 15/9/2022
71	1.004082	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Quyết định 525/QĐ-UBND ngày 14/3/2018	Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 12/7/2023			QĐ số 771/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
4. Lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn (10)							
a) Lĩnh vực: Thủy lợi (01)							
72	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện).	Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 05/11/2018				QĐ số 2037/QĐ-UBND ngày 18/9/2019
b) Lĩnh vực: Nông nghiệp (01)							
73	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 01/02/2019				
c) Lĩnh vực: Bảo hiểm (01)							
74	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 24/9/2019				QĐ số 2077/QĐ-UBND ngày 26/8/2020
d) Lĩnh vực: Phòng, chống thiên tai (05)							
75	2.002163	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 27/0/2010				
76	2.002162	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh					

77	2.002161	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	ngày 21/7/2017				
78	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 18/8/2021				QĐ số 2316/QĐ-UBND ngày 01/10/2021
79	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.					
e) Lĩnh vực: Trồng trọt (01)							
80	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 22/01/2020				QĐ số 350/QĐ-UBND ngày 25/02/2020
f) Lĩnh vực: Khoa học công nghệ và môi trường (01)							
81	1.008838	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích			Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 15/9/2020		QĐ số 2509/QĐ-UBND ngày 05/10/2020
5. Lĩnh vực: Văn hoá, thể thao và du lịch (07)							
a) Lĩnh vực: Văn hóa (01)			Quyết định chuẩn hóa số 400/QĐ-UBND ngày 03/3/2020				QĐ số 1782/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 03/6/2024
82	1.003622	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã					
b) Lĩnh vực: Thư viện (03)							
83	1.008901	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng		Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 26/01/2024			
84	1.008902	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng		Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 30/10/2020			
85	1.008903	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng					
c) Lĩnh vực: Thể dục thể thao (01)							
86	2.000794	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở					
d) Lĩnh vực: Gia đình (02)							
87	1.012084	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 17/01/2024				Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 03/6/2024
88	1.012085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị					
6. Lĩnh vực: Nội vụ (15)							
a) Lĩnh vực: Tôn giáo Chính phủ (10)							

89	2.000509	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Quyết định 794/QĐ-UBND ngày 17/4/2018				QĐ số 2900/QĐ-UBND ngày 24/12/2019
90	1.001028	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng					
91	1.001055	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung					
92	1,001078	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã					
93	1.001085	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã					
94	1.001090	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung					
95	1.001098	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã					
96	1.001109	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác					
97	1.001156	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung					
98	1.001167	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc					
b) Lĩnh vực: Thi đua - khen thưởng (05)							
99	1.012373	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho cá nhân, tập thể theo công trạng			Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 06/02/2024		Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 29/3/2024
100	1.012374	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề					
101	1.012376	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND xã về thành tích đợt xuất					
102	1.012378	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình					
103	1.012379	Tặng danh hiệu lao động tiên tiến					
7. Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác (05)							
104	1.004441	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học			Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 chuẩn hóa		QĐ số 2534/QĐ-UBND ngày 15/11/2019
105	1.004492	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập					
106	1.004443	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại					
107	1.004485	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập					
108	2.001810	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)					
8. Lĩnh vực: Thanh tra (04)							
a) Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại (01)							
109	2.002409	Giải quyết khiếu nại lần đầu			Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 16/8/2021		

b) Lĩnh vực: Giải quyết tố cáo (01)					Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	15/3/2020 Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 24/8/2023
110	1.005460	Giải quyết tố cáo				
c) Lĩnh vực: Tiếp công dân (01)						
111	1.010945	Tiếp công dân				
d) Lĩnh vực: Xử lý đơn thư (01)					Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	
112	2.002501	Xử lý đơn				
9. Lĩnh vực: Y tế (01)						
a) Lĩnh vực: Dân số (01)						
113	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 13/6/2019			QĐ số 2719/QĐ-UBND ngày 09/12/2019
10. Lĩnh vực: Kế hoạch và đầu tư						
a) Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (03)						
114	2.002226	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 09/12/2019			QĐ số 08/QĐ-UBND ngày 02/1/2020
115	2.002227	Thông báo thay đổi tổ hợp tác				
116	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác				
11. Lĩnh vực: Xây dựng (01)						
a) Lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (01)						
117	1.008456	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 20/7/2020			QĐ số 2345/QĐ-UBND ngày 22/9/2020
12. Lĩnh vực: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (01)						
118	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 18/6/2024			
13. Lĩnh vực: Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ						
119	2.002621	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 01/7/2024			
14. Lĩnh vực: Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công						
120	2.002622	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 01/7/2024			

15. Lĩnh vực: Chính sách (02)							
121	1.012537	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 09/7/2024				
122	1.012538	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ					
Tổng cộng: 15 lĩnh vực 122 TTHC (Các xã: 121 TTHC Các phường, thị trấn: 122 TTHC)							